TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 30/6/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi) và Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Rô Be
- Bà Phạm Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 2 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi) và Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hồng L**, sinh năm: 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Hồng N** sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* 1/ Ông **Phạm Thành L,** sinh năm: 1973 (Vắng mặt).
2/ Bà **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N trình bày trình bày: Nguyên từ năm 2014 đến năm 2019 bà Trần Thị Hồng L có tham gia chơi 3 dây hụi do bà Bùi Thị Đ, cùng chồng là Phạm Thành L (chủ hụi) tổ chức cụ thể như sau:

1. Dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), hụi mùa áp ngày 12/01/2014 (AL) bà L tham gia 01 chân, tổng số hụi viên là 29 hội viên (4 tháng khui một lần). Bà L đã đóng 18 lần với số tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng.

2. Dây hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), hụi mùa áp ngày 05/02/2016 (AL) bà L tham gia 01 chân, tổng số hụi viên là 33 hội viên (3 tháng khui một lần). Bà L đã đóng 16 lần với số tiền tổng cộng là 48.000.000 đồng

3. Dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), hụi mùa áp ngày 17/7/2019 (AL) bà L tham gia 01 chân, tổng số hụi viên là 25 hội viên (3 tháng khui một lần). Bà L đã đóng 02 lần với số tiền tổng cộng là 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà Đ, ông L còn nợ bà L theo 3 dây hụi trên là 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Theo tôi biết thì các dây hụi này không bị tuyên bố vở hụi vì bà Đ, ông L vẫn tiến hành thu hụi bình thường. Nhưng do bà Đ, ông L vở nợ bên ngoài nên ông, bà thu hụi trả nợ mà không giao cho các hụi viên. Tôi xác định ngoài 3 chân hụi này ra thì bà Loan không có tham gia chân hụi nào khác của bà Đ, ông L.

Ngoài ra, Ông Liêm, bà Điệp có vay mượn tiền của bà Loan 02 lần cụ thể:

Lần 1, Ngày 25/8/2019 ông L, bà Đ vay bà L số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 2 năm. Khi vay thì bà Đ, ông L viết và ký làm Biên nhận nợ ngày 25/8/2019 giao cho bà L giữ. Trong quá trình vay thì ông L, bà Đ có đóng lãi cho bà L đầy đủ, nhưng với số tiền bao nhiêu bà L không nhớ.

Lần 2, vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch bà Đ, ông L vay thêm 40.000.000 đồng. Khi vay thì bà Đ, ông L nói chỉ mượn tạm vài ngày xoay sở khó khăn gia đình nên bà L cho mượn không lấy lãi nhưng sau đó ông L, bà Đ cũng không trả. Sau này, bà Đ, ông L bị bể nợ nên bà L có đến đòi tiền hụi, tiền nợ vay nêu trên thì ông L, bà Đ mới viết và ký Biên nhận nợ ngày 15/5/2020 xác nhận thiếu bà L số tiền 40.000.000 đồng vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch và tiền nợ hụi của 03 chân hụi nói trên với tổng số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng số tiền nợ vay và nợ hụi bà Đ, ông L còn nợ bà L là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa bà L yêu cầu:

Bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp buộc bà Đ, ông L cùng có trách nhiệm trả cho bà L tổng số tiền nợ hụi và nợ vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch là là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu). Trong đó, tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng, tiền nợ vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch là 40.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi. Bà L cam kết chữ ký và chữ

viêt mang tên Phạm Thành L và Bùi Thị Đ trong biên nhận nợ ngày 15/5/2020 là chữ ký và chữ viết của bà Đ, ông L.

Bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ 40.000.000 đồng mà bà Đ, ông L vay vào ngày 25/8/2019 vì hiện nay số tiền nợ nay các bên chưa phát sinh tranh chấp. Nếu sau này bà Đ, ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ bà L sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn Ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông L, bà Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông L, bà Đ đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ trả số tiền hụi là 146.000.000 đồng và tiền vay là 40.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà L yêu cầu ông L, bà Đ trả cho bà là 186.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng hợp đồng góp họ (hụi) và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Hồng L khởi kiện ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ có nơi cư trú tại Ấp Ấp T, xã H , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng N đồng ý xét xử vắng mặt ông L, bà Đ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Đ.

[4] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bà N trình bày, nguyên trước đây bà L có tham gia 03 dây hụi do bà Bùi Thị Đ, cùng chồng là Phạm Thành L tổ chức gồm: Dây hụi mùa 5.000.000 đồng áp ngày 12/01/2014 (AL), Dây hụi mùa 3.000.000 đồng áp ngày 05/02/2016 (AL) và Dây hụi mùa 5.000.000 đồng áp ngày 17/7/2019 (AL). Tổng số tiền bà L đã đóng cho ông L, bà Đ theo 03 dây hụi nói trên là 146.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch bà Đ, ông L có vay

của bà L 40.000.000 đồng. Khi vay thì bà Đ, ông L nói chỉ mượn tạm vài ngày xoay sở khó khăn gia đình nên bà L cho mượn không lấy lãi nhưng sau đó ông L, bà Đ cũng không trả. Thời gian sau, bà Đ, ông L bị vở nợ nên bà L có đến đòi tiền hụi, tiền nợ vay nêu trên thì ông L, bà Đ mới viết và ký Biên nhận nợ ngày 15/5/2020 xác nhận thiếu bà L số tiền 40.000.000 đồng vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch và tiền nợ của 03 chân hụi nói trên với tổng số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu vợ chồng ông L, bà Đ cùng có trách nhiệm trả cho bà L tổng số tiền nợ hụi và nợ vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó, tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng, tiền nợ vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch là 40.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi. Về phía bị đơn ông Phạm Thanh L, bà Bùi Thị Đ, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L, bà Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham gia phiên tòa nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã cung cấp được cho Tòa án Biên nhận nợ viết tay ngày 15/5/2020 thể hiện nội dung ông Phạm Thanh L, bà Bùi Thị Đ có nợ bà Loan số tiền 40.000.000 đồng vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch và tiền nợ của 03 chân hụi nói trên với tổng số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng. Bà N cam kết trước pháp luật chữ viết và chứ ký mang tên Phạm Thành L và Bùi Thị Đ trong Biên nhận ngày 15/5/2020 là của ông, bà Đ viết và ký tên. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã ban hành Thông báo số 16/TB-TA ngày 12/3/2021 để báo cho ông L, bà Đ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo hoặc kể từ ngày Thông báo được niêm yết thì ông, bà phải có ý kiến về nội dung và chữ ký mang tên Phạm Thành L và Bùi Thị Đ trong Biên nhận nợ viết tay ngày 15/5/2020. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn ấn đinh theo Thông báo số 16/TB-TA ngày 12/3/2021 nhưng ông L, bà Đ không có ý kiến gì đối với Biên nhận nợ viết tay ngày 15/5/2020 do phía nguyên đơn cung cấp. Do đó, việc Bà L khởi kiện yêu cầu ông L, bà Đ trả cho bà L tổng số tiền nợ hụi và nợ vay vào ngày 19/12/2019 Âm Lịch là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó, tiền nợ hụi 146.000.000 đồng, tiền nợ vay 40.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng mà bà Đ, ông L vay theo Biên nhận nợ ngày 25/8/2019 vì số tiền nay hiện nay các bên chưa phát sinh tranh chấp.

Sau nay nếu có phát sinh tranh chấp bà L sẽ khởi kiện ông L, bà Đ thành vụ kiện khác. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp quy định phát luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L.

Buộc ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Hồng L số tiền nợ tổng cộng là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó, số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), tiền nợ vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L đối với số tiền 40.000.000 đồng mà ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ vay theo Biên nhận nợ ngày 25/8/2019.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà Loan là 186.000.000 đồng x 5% = 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Hồng L thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, bêu phường.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L.

Buộc ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Hồng L số tiền nợ tổng cộng là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trong đó, số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), tiền nợ vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L đối với số tiền 40.000.000 đồng mà ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ vay theo Biên nhận nợ ngày 25/8/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Thành Liêm và bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà Loan là 186.000.000 đồng x 5% = 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Hồng L thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Thành L và bà Bùi Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
-THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt